

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức Bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Nghị quyết 51/2001/QH10;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 4 về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Sau khi xem xét Tờ trình số 01/TTr-CP ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và Báo cáo thẩm tra số 672/BC-UBPL12 ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban pháp luật của Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị quyết này điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện, quận nơi thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường và thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường quy định tại Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NƠI KHÔNG TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, PHƯỜNG

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không tổ chức Hội đồng

nhân dân huyện, quận, phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điều từ Điều 11 đến Điều 18 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân huyện, quận theo sự giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân huyện, quận theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.
2. Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận.
3. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn.
4. Giải tán Hội đồng nhân dân xã, thị trấn trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân.

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điều từ Điều 82 đến Điều 95 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân huyện.
2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo đảm đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Điều 5. Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điều từ Điều 82 đến Điều 96 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân huyện, quận.
2. Quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện thống nhất quy hoạch đô thị trên địa bàn quận.
3. Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự công cộng, giao thông; phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường, cảnh quan đô thị trên địa bàn quận.
4. Quyết định quy hoạch chung xây dựng các đô thị trên địa bàn huyện.
5. Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện, quận.
6. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, quận thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo đảm đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, PHƯỜNG NƠI KHÔNG TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, PHƯỜNG NƠI KHÔNG TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 6. Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 3, 4 Điều 97, các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 98, các điều 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106 và các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 107 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền

hạn sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.
2. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để trình Hội đồng nhân dân quyết định.

Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, quyết định cụ thể dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết, quyết định các chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp kết quả phân bổ và giao dự toán ngân sách địa phương.

Lập quyết toán thu, chi ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn.

3. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, các chương trình khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, các chương trình sau khi được phê duyệt.

Điều 7. Ủy ban nhân dân quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 3, 4 Điều 98, Điều 99, các khoản 2, 3, 4 Điều 100, các điều 101, 102, 103, 104, 105, 106, các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 107 và Điều 109 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;
2. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để trình Hội đồng nhân dân quyết định.

Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, quyết định cụ thể dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết, quyết định các chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp kết quả phân bổ và giao dự toán ngân sách địa phương.

Lập quyết toán thu, chi ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn.

3. Phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường.

Điều 8. Ủy ban nhân dân phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 111, các khoản 1, 2, 4 Điều 112, các khoản 2, 3, 4 Điều 113, các điều 114, 115, 116, 117 và các khoản 2, 3, 4 Điều 118 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.
2. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định. Đối với phường thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để trình Hội đồng nhân dân quyết định.

Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, quyết định cụ thể dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết, quyết định các chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp kết quả

phân bổ và giao dự toán ngân sách địa phương.

Lập quyết toán thu, chi ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt. Đối với phường thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn.

3. Tổ chức thực hiện thống nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, phòng, chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự vệ sinh, sạch đẹp khu phố, lòng đường, lề đường, trật tự công cộng và cảnh quan đô thị trên địa bàn.

4. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, PHƯỜNG NƠI KHÔNG TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 9.

1. Ủy ban nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; quyết định các chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp trên; bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

3. Ủy ban nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân có từ bảy đến chín thành viên; Ủy ban nhân dân phường có từ ba đến năm thành viên.

Cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân do Chính phủ quy định.

Điều 10.

1. Ủy ban nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề sau đây:

a) Quy chế làm việc, chương trình hoạt động hàng năm và thông qua báo cáo của Ủy ban nhân dân trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp trên;

b) Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm và quỹ dự trữ của cấp mình; đầu tư, xây dựng các công trình trọng điểm; huy động nhân lực, tài chính để giải quyết các vấn đề cấp bách của địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp trên;

c) Các chủ trương, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

d) Thông qua đề án thành lập mới, sáp nhập, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân;

đ) Các vấn đề khác theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Ủy ban nhân dân phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân mỗi tháng họp ít

nhất một lần. Các quyết định của Ủy ban nhân dân phải được quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân biểu quyết tán thành. Trường hợp ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

4. Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân ban hành quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 11.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân là người lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân cấp trên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 127 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, thị trấn;

b) Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bãi bỏ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7 Điều 127 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường, cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định các điểm c và d khoản 1, các khoản 2, 6 và 7 Điều 127 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Điều 12. Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế làm việc và sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; cùng với Chủ tịch và các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về những vấn đề Ủy ban nhân dân quyết định.

Điều 13.

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện, quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân huyện, quận và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực từ trung ương đến cơ sở.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện, quận, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân huyện, quận và cơ quan chuyên môn cấp trên.

3. Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 14.

1. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các đoàn thể nhân dân ở huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân được mời dự các phiên họp của Ủy ban nhân dân cùng cấp khi bàn các vấn đề có liên quan.

Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân tạo điều kiện

thuận lợi để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cùng cấp tổ chức, động viên nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân; tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện chế độ thông báo tình hình mọi mặt của địa phương cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

Ủy ban nhân dân và các thành viên của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

Chương IV

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH VÀ ỦY VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, PHƯỜNG NƠI KHÔNG TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 15. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân phường.

Điều 16. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân được quy định như sau:

1. Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường:
 - a) Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường đề xuất giới thiệu nhân sự;
 - b) Sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý cán bộ lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm;
 - c) Căn cứ hồ sơ bổ nhiệm và Tờ trình của Ủy ban nhân dân có cán bộ được bổ nhiệm, cơ quan quản lý cán bộ, công chức trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định bổ nhiệm.
2. Bổ nhiệm Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường:
 - a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường đề xuất giới thiệu nhân sự;
 - b) Sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý cán bộ lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm;
 - c) Căn cứ hồ sơ bổ nhiệm và Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp có cán bộ được bổ nhiệm, cơ quan quản lý cán bộ, công chức trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định bổ nhiệm.

Điều 17. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ, công chức.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18.

1. Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân huyện, quận nhiệm kỳ 2004 – 2009 nơi không tổ chức

Hội đồng nhân dân tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bầu ra Hội thẩm nhân dân mới.

Nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân huyện, quận nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 04 năm 2009./.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG
VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Phú Trọng